

Số: /TM-TTYT

Ngũ Hành Sơn, ngày tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Về việc cung cấp đồ bảo hộ lao động cho nhân viên Y tế tại Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn- Năm 2024

Kính gửi: Quý Công Ty cung cấp dịch vụ may trang phục Y tế

Hiện nay, Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn đang có nhu cầu may đồ bảo hộ lao động cho nhân viên Y tế trong năm 2024.

Thời gian cung cấp: Sau khi hợp đồng có hiệu lực. (Dự kiến Quý III-2024)

Địa điểm tại: Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn.

Để có căn cứ xây dựng giá dự toán mua sắm. Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn kính mời quý Công ty chuyên may đồ bảo hộ lao động cho nhân viên Y tế tham gia chào giá theo danh mục và số lượng cụ thể như sau:

Stt	Danh mục	YÊU CẦU VỀ màu sắc, chất liệu, kiểu dáng	Đvt	Số lượng
01	Trang phục Bác sĩ	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái.- Màu sắc: Màu trắng- Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương <p>Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$ Độ vốn gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4 ± 0.5 COTTON 36.6 ± 0.5 - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm.</p> <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none">- Màu sắc: Màu trắng- Chất liệu: Vải Tuysti /Kaki hoặc tương đương	Bộ	90

		<p>Khối lượng vải (G/M2) 260.5 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $680 \times 288 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $62.7 \times 102.3 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-2.9) \times (-1.2) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 2-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>Mũ: - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4 ± 0.5 COTTON 36.6 ± 0.5</p>		
02	Trang phục Điều dưỡng, Hộ sinh, Y sỹ	<p>Áo: - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước: có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái; - Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, kích thước viền rộng 0,5 cm. - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Vải màu trắng Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4 ± 0.5 COTTON 36.6 ± 0.5 - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm.</p>	Bộ	164

		<p>Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Tuysti hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 275.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1) \times (0.0) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. 		
		<p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4 ± 0.5 COTTON 36.6 ± 0.5 		
03	Trang phục nhân viên Tổ công tác xã hội	<p>Áo: Sơ mi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Sáng màu (kem, xanh da trời)/ trắng - Chất liệu: Vải kate Nhật, kate mỹ hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 109.8 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $370 \times 304 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $36.2 \times 38.9 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.1) \times (-0.1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 81.7 ± 0.5 RAYON 18.3 ± 0.5 - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, có túi bên trái, trong túi có đai cài bút. - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. 	Bộ	14
		<p>Chân váy/Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh đen/đen 		

		<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Vải Tuysti hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 259.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $720 \times 312 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER - Kiểu dáng: + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. - May theo số đo từng người 		
04	Trang phục Kỹ thuật viên y	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương - Màu sắc: Màu trắng Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4 ± 0.5 COTTON 36.6 ± 0.5 - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Tuysti hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 275.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1) \times (0.0) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, có 1 túi sau. 	Bộ	36

		<p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Tuysti hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 275.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1) \times (0.0) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER 		
05	Trang phục Dục sỹ	<p>Áo :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía sau xẻ giữa tới ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên trên trên ngực trái. - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Kate ford hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4 ± 0.5 COTTON 36.6 ± 0.5 - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng. - Chất liệu: Vải Tuysti hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 275.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $644 \times 328 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $52.4 \times 135.7 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1) \times (0.0) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. 	Bộ	30

		<p>Mũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 161.7 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $286 \times 263 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $43.4 \times 40.6 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.6) \times (-1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 63.4 ± 0.5 COTTON 36.6 ± 0.5 		
06	<p>Trang phục nhân viên Y tế công cộng; Khối Hành Chính; KTV thiết bị y tế, nhân viên bảo trì và CB Dân số</p>	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Sáng màu (kem, xanh da trời)/ trắng - Chất liệu: Vải kate Nhật, kate mỹ hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 109.8 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $370 \times 304 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $36.2 \times 38.9 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.1) \times (-0.1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 81.7 ± 0.5 RAYON 18.3 ± 0.5 - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, có túi bên trái, trong túi có đai cài bút. - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. <hr/> <p>Chân váy/Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh đen. - Chất liệu: Vải Tuysti / Kaki hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 259.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $720 \times 312 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER - Kiểu dáng: + Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. + Chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. 	Bộ	70

07	Trang phục nhân viên lái xe cứu thương	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: Kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Màu sắc: Màu xanh đen - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 149.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $252 \times 256 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $17.0 \times 16.7 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) 4×4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.4) \times (-1.6) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 66.5 ± 0.5 COTTON 33.5 ± 0.5 - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm. <hr/> <p>Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh đen. - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau - Chất liệu: Vải Tuysti hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 259.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $720 \times 312 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $67.8 \times 89.2 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-1.0) \times (0.0) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER 	Bộ	4
08	Trang phục nhân viên Hộ lý	<p>Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Màu sắc: Màu xanh hòa bình - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 161.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) $288 \times 270 \pm 2$ Độ bền xé rách (N) (DxN) $28.5 \times 25.4 \pm 0.2$ Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN) $(4-5) \times (4-5)$ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) $(-2.9) \times (-2.1) \pm 0.2$ Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 	Bộ	20

		<p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.0 ±0.5 COTTON 35.0 ±0.5 - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm.</p> <p>Quần: - Màu sắc: Cùng màu với màu áo - Chất liệu: Vải Kate ford hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 161.3 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 288x270 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN)28.5x25.4 ±0.2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp) (DxN)(4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-2.9)x(-2.1)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.0 ±0.5 COTTON 35.0 ±0.5. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>Mũ: - Màu sắc: Theo màu sắc của áo</p>		
09	Trang phục nhân viên Bảo vệ	<p>Áo: - Màu sắc: Ghi sáng/Ghi đậm. - Chất liệu: Áo vải Kate ford hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 174.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 300x272 ±2 Độ bền xé rách (N) (DxN) 40.6x38.0 ±0.2 Độ vón gút sau 6 giờ (Cấp)(DxN) 4x4 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-0.8)x(-0.6)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) POLYESTER 65.6±0.5 COTTON 34.4 ±0.5 - Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Kích cỡ: May theo số đo của từng cán bộ công nhân viên Trung tâm.</p> <p>Quần: - Màu sắc: xanh đen - Chất liệu: Vải Tuysti hoặc tương đương Khối lượng vải (G/M2) 259.2 ± 0.2 Mật độ vải (Sợi/10CM) 720x312 ±2</p>	Bộ	06

	Độ bền xé rách (N) (DxN) 67.8x89.2 ±0.2 Độ vốn gút sau 6 giờ (CẤP)(DxN) (4-5)x(4-5) Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) (DxN) (-1.0)x(0.0)±0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (CẤP) 3-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) 100% POLYESTER - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.	
	Mũ: - Màu sắc: cùng màu với áo - Kiểu dáng: Mũ kiểu Kê pi	
TỔNG CỘNG:		434

- Giá chào là giá trọn gói đã bao gồm chi phí vật tư, công may, đo, phí vận chuyển, nhân công phục vụ và các loại thuế theo quy định.
- Công ty tham gia chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ khi nộp bảng chào giá. Trong bảng chào giá phải ghi rõ hiệu lực của chào giá.
- Bảng chào giá phải được bỏ phong bì, niêm phong kín miệng bao để bảo mật và tạo sự khách quan trong việc mời chào giá.
- Bảng chào giá phải ghi rõ nội dung ngoài phong bì để tiện theo dõi.
- Các công ty tham gia chào giá phải đảm bảo tính độc lập, không có mối quan hệ với nhau. Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý, hoạt động kinh doanh, phạm vi hoạt động, các thông tin và tài liệu cung cấp cho Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn kèm theo bảng báo giá đồng thời tuân thủ các quy định khác của pháp luật.
- Các công ty tham gia chào giá phải chịu trách nhiệm việc cung cấp thông tin về giá của hàng hoá, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.
- Thời gian nhận báo giá từ ngày 27/8/2024 đến 11H00 ngày 07/9/2024.
- Nơi nhận báo giá: Phòng TC-HC Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn.
- Địa chỉ: Số 582 Lê Văn Hiến, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Điện thoại : 02363.969894.
- Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn sẽ không hoàn trả các hồ sơ không được lựa chọn. Rất mong sự hồi đáp của Quý Công ty. Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổ CNTT (để đăng website);
- Lưu: VT, TC-HC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Tiến Hưng